

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN SƠN TRÀ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 222/2020/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 19 tháng 11 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Nguyễn Công S**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 58 Đường D, Tổ 46, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Lê Thị Xuân D**, sinh năm 1968. Nơi ĐKKHKT: K81 H21/3 Đường B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Phòng 504, Block 4 chung cư Nets Home, Tổ 54 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D kết hôn với nhau năm 2007, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hai vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S vi phạm pháp luật bị Tòa án xử phạt tù, từ đó bà D không chấp nhận chung sống với ông nữa, vợ chồng có lời qua tiếng về, thường hay cãi vã, không tôn trọng nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D xác định có 01 con chung là Nguyễn Lê Kỳ D, sinh ngày: 20/10/2007. Ly hôn, ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006327 ngày 19/10/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D (Giấy chứng nhận kết hôn số 10, Quyền số 01/2007, ngày 25/01/2007, tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung là Nguyễn Lê Kỳ D, sinh ngày 20/10/2007 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị Xuân D mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số số 0006327 ngày 19/10/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường T, quận H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN**Tô Thị Thy Tuyết**